

越南學生在臺生活與就學法規重點宣導

Những quy định pháp luật quan trọng dành cho sinh viên Việt Nam tại Đài Loan

本資料為學生宣導用重點摘要；如與最新法規不同，應以政府公布的正式法規為準。
Tài liệu này chỉ dùng để tuyên truyền và hướng dẫn. Nếu có sự khác biệt, nội dung pháp luật mới nhất do Chính phủ Đài Loan công bố sẽ được ưu tiên áp dụng.

一、道路交通安全規則

1. Quy định về an toàn giao thông đường bộ

中文重點

1. 騎乘機車必須持有臺灣認可且符合車種的有效駕照，不可無照駕駛。
2. 騎乘機車時，駕駛人及乘客都必須正確配戴合格安全帽。
3. 不可酒後駕車，也不可在吸毒、服用影響駕駛能力的藥物後駕車。
4. 行車時應遵守交通號誌、標線、速限及警察指揮，不可闖紅燈、逆向行駛或任意變換車道。
5. 駕駛中不可手持或操作手機。
6. 機車不得騎上高速公路；行駛道路時應遵守機車專用道、兩段式左轉等交通標誌。
7. 微型電動二輪車必須完成掛牌及投保強制汽車責任保險，騎乘時應戴安全帽，不可任意改裝或超速。
8. 發生交通事故時，不可立即離開現場，應停車、協助傷者並撥打：
 - 警察：110
 - 救護車：119

Nội dung tiếng Việt

1. Khi lái xe máy, phải có giấy phép lái xe hợp lệ được Đài Loan công nhận và phù hợp với loại xe; không được lái xe khi chưa có bằng.
2. Người lái xe máy và người ngồi phía sau đều phải đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn và cài đúng cách.
3. Không được lái xe sau khi uống rượu bia, sử dụng ma túy hoặc thuốc có ảnh hưởng đến khả năng lái xe.
4. Phải tuân thủ đèn tín hiệu, vạch đường, giới hạn tốc độ và sự hướng dẫn của cảnh sát; không vượt đèn đỏ, đi ngược chiều hoặc tùy tiện chuyển làn.
5. Không được cầm hoặc sử dụng điện thoại khi đang lái xe.

6. Xe máy thông thường không được đi vào đường cao tốc; phải tuân thủ làn đường dành cho xe máy và quy định rẽ trái hai giai đoạn.
7. Xe máy điện loại nhỏ phải đăng ký biển số và mua bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc. Người điều khiển phải đội mũ bảo hiểm, không được tự ý cải tạo xe hoặc chạy quá tốc độ.
8. Khi xảy ra tai nạn giao thông, không được tự ý rời khỏi hiện trường. Phải dừng xe, hỗ trợ người bị thương và gọi:
 - Cảnh sát: 110
 - Cấp cứu: 119

參考：道路交通安全規則

二、就業服務法

2. Luật Dịch vụ việc làm

中文重點

1. 外國學生在臺打工，原則上必須先取得勞動部核發的工作許可，取得許可後才能開始工作。
2. 不可以先上班、試做或接受訓練，再補辦工作許可。
3. 學期期間每星期工作時間最長為20小時；寒假及暑假不受每週20小時限制，但仍須遵守《勞動基準法》的工時規定。
4. 必須注意工作許可的有效期限，許可到期前應依規定重新申請。
5. 工作許可不等於可以無限制從事任何工作；工作內容仍須符合法律規定。
6. 不得將自己的工作許可、居留證或身分資料提供他人使用。
7. 未取得工作許可即工作，可能被處新臺幣3萬元以上、15萬元以下罰鍰，並可能被要求離境，影響後續居留及就學。
8. 雇主聘僱沒有工作許可的外國學生，也可能被處新臺幣15萬元以上、75萬元以下罰鍰。

Nội dung tiếng Việt

1. Sinh viên nước ngoài muốn làm thêm tại Đài Loan, về nguyên tắc phải xin giấy phép lao động do Bộ Lao động cấp trước khi bắt đầu làm việc.
2. Không được đi làm thử, làm trước hoặc tham gia huấn luyện có tính chất công việc rồi mới xin giấy phép sau.
3. Trong thời gian học chính thức, tổng thời gian làm việc không được vượt quá 20 giờ mỗi tuần. Trong kỳ nghỉ đông và nghỉ hè không bị giới hạn 20 giờ, nhưng vẫn phải tuân thủ quy định về thời giờ làm việc của Luật Tiêu chuẩn lao động.
4. Phải chú ý thời hạn của giấy phép lao động và xin gia hạn hoặc xin cấp lại trước khi hết hạn.

5. Có giấy phép lao động không có nghĩa là được làm bất kỳ công việc nào; nội dung công việc vẫn phải phù hợp với pháp luật.
6. Không được cho người khác sử dụng giấy phép lao động, thẻ cư trú hoặc thông tin cá nhân của mình.
7. Làm việc khi chưa có giấy phép có thể bị phạt từ 30.000 đến 150.000 Đài tệ, bị yêu cầu rời khỏi Đài Loan và ảnh hưởng đến quyền cư trú, học tập sau này.
8. Chủ sử dụng lao động thuê sinh viên nước ngoài không có giấy phép cũng có thể bị phạt từ 150.000 đến 750.000 Đài tệ.

參考：就業服務法第43、50及68條 、外國人在臺工作服務網

三、勞動基準法

3. Luật Tiêu chuẩn lao động

中文重點

1. 外國學生合法受僱後，原則上與本國勞工一樣受到勞動法令保障。
2. 工資不得低於政府公告的最低工資。
3. 雇主應依約定日期發放工資，並提供薪資明細。
4. 正常工作時間原則上每日不得超過8小時、每週不得超過40小時。
5. 超過正常工時工作，雇主應依法計算並給付加班費。
6. 連續工作4小時，原則上至少應有30分鐘休息。
7. 雇主不得任意扣薪、積欠工資，或要求勞工繳交不合理的保證金。
8. 上班時發生事故或受傷，應立即通知雇主及學校，並保留就醫、出勤及工作相關資料。
9. 簽署勞動契約前，應確認工作內容、工資、工時、休假、工作地點及契約期限。
10. 若發生欠薪、超時工作或不當對待，可向學校、地方勞工局或1955專線求助。

Nội dung tiếng Việt

1. Sau khi được tuyển dụng hợp pháp, sinh viên nước ngoài về nguyên tắc được pháp luật lao động bảo vệ giống như người lao động Đài Loan.
2. Tiền lương không được thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ công bố.
3. Chủ sử dụng lao động phải trả lương đúng ngày đã thỏa thuận và cung cấp bảng kê tiền lương.
4. Thời gian làm việc bình thường về nguyên tắc không quá 8 giờ mỗi ngày và 40 giờ mỗi tuần.
5. Nếu làm vượt quá thời gian làm việc bình thường, chủ sử dụng lao động phải trả tiền làm thêm giờ theo quy định.
6. Sau khi làm việc liên tục 4 giờ, về nguyên tắc người lao động phải được nghỉ ít nhất 30 phút.

7. Chủ sử dụng lao động không được tự ý khấu trừ lương, nợ lương hoặc yêu cầu người lao động đóng tiền bảo đảm bất hợp lý.
8. Nếu bị tai nạn hoặc bị thương trong lúc làm việc, phải lập tức thông báo cho chủ sử dụng lao động và nhà trường; đồng thời lưu giữ hồ sơ khám bệnh, chăm công và tài liệu liên quan.
9. Trước khi ký hợp đồng lao động, cần kiểm tra rõ nội dung công việc, tiền lương, thời giờ làm việc, ngày nghỉ, nơi làm việc và thời hạn hợp đồng.
10. Nếu bị nợ lương, bắt làm việc quá giờ hoặc đối xử không phù hợp, có thể liên hệ nhà trường, cơ quan lao động địa phương hoặc đường dây 1955.

參考：勞動基準法

四、外國學生來臺就學辦法

4. Quy định về sinh viên nước ngoài học tập tại Đài Loan

中文重點

1. 申請入學時，所提供的學歷、成績、財力及身分文件必須真實，不可偽造或冒用。
2. 學生應依學校規定完成註冊、繳費、選課及上課。
3. 應維持正常出席及學習狀況；請假必須依學校程序辦理，不可長期無故缺課。
4. 新生註冊時，應提出自入境日起至少6個月有效的醫療及傷害保險證明；符合全民健康保險資格後，應依規定參加健保。
5. 居留證、護照、地址或聯絡方式有變更時，應在規定期限內辦理並通知學校。
6. 不可從事非法打工，也不可超過工作許可規定的時間。
7. 學生如有休學、退學、轉學或喪失學生身分等情形，學校依法須通報外交部及移民署。
8. 休學或退學可能影響居留資格，不代表可以繼續留在臺灣或繼續工作，應立即向學校及移民署確認。
9. 遇到課業、生活、住宿、經濟或工作問題時，應及早向導師、國際學生輔導單位或學校相關單位求助。

Nội dung tiếng Việt

1. Các giấy tờ về học lực, bằng điểm, tài chính và thân phận nộp khi xin nhập học phải trung thực; không được làm giả hoặc sử dụng giấy tờ của người khác.
2. Sinh viên phải hoàn thành việc đăng ký học, đóng học phí, đăng ký môn học và đi học theo quy định của nhà trường.
3. Phải duy trì việc học và chuyên cần bình thường. Khi xin nghỉ phải làm đúng thủ tục; không được tự ý nghỉ học trong thời gian dài.
4. Khi đăng ký nhập học, sinh viên mới phải xuất trình bảo hiểm y tế và tai nạn có hiệu lực ít nhất 6 tháng kể từ ngày nhập cảnh. Khi đủ điều kiện tham gia Bảo hiểm Y tế Toàn dân, phải tham gia theo quy định.

5. Khi có thay đổi về thẻ cư trú, hộ chiếu, địa chỉ hoặc thông tin liên lạc, phải làm thủ tục trong thời hạn quy định và thông báo cho nhà trường.
6. Không được làm việc trái phép hoặc làm vượt quá thời gian ghi trong giấy phép lao động.
7. Khi sinh viên bảo lưu kết quả học tập, thôi học, chuyển trường hoặc mất tư cách sinh viên, nhà trường phải thông báo cho Bộ Ngoại giao và Cơ quan Di dân.
8. Bảo lưu hoặc thôi học có thể ảnh hưởng đến tư cách cư trú. Điều đó không có nghĩa là sinh viên có thể tiếp tục ở lại hoặc tiếp tục làm việc tại Đài Loan; cần lập tức liên hệ nhà trường và Cơ quan Di dân.
9. Khi gặp khó khăn về học tập, sinh hoạt, chỗ ở, tài chính hoặc công việc, nên sớm liên hệ giáo viên chủ nhiệm, đơn vị hỗ trợ sinh viên quốc tế hoặc bộ phận liên quan của nhà trường.

參考：[外國學生來臺就學辦法第22至24條](#)

五、性別平等教育法

5. Luật Giáo dục bình đẳng giới

中文重點

1. 不論性別、性別特質、性別認同或性傾向，每位學生都應受到平等尊重。
2. 不得對他人進行性騷擾、性侵害、性霸凌、跟蹤、偷拍、散布私密照片或帶有性意味的言語及肢體行為。
3. 任何親密接觸、拍攝或傳送私密影像，都必須取得對方明確同意；沉默、害怕或沒有反抗，不代表同意。
4. 教師、職員或具有權勢關係的人員，不得利用身分、成績、工作、實習或資源，要求學生進行不適當的性或感情互動。
5. 網路或通訊軟體上的性騷擾、性羞辱、傳送色情內容或未經同意散布私密影像，也可能構成校園性別事件。
6. 遇到事件時，應保存訊息、照片、錄音、時間、地點及證人等資料，但不要繼續轉傳私密影像。
7. 被害人可以用書面向行為人所屬學校申請調查；任何知悉事件的人也可以依法檢舉。
8. 學校不得因學生申請調查、提出檢舉或協助他人，而給予不利處分。
9. 緊急危險時應先離開現場，並撥打110；需要保護與諮詢時可撥打113。

Nội dung tiếng Việt

1. Mọi sinh viên, không phân biệt giới tính, đặc điểm giới, bản dạng giới hoặc xu hướng tính dục, đều phải được tôn trọng và đối xử bình đẳng.
2. Không được quấy rối tình dục, xâm hại tình dục, bắt nạt liên quan đến giới, theo dõi, chụp lén, phát tán hình ảnh riêng tư hoặc có lời nói, hành vi mang tính tình dục đối với

người khác.

3. Mọi tiếp xúc thân mật, quay chụp hoặc gửi hình ảnh riêng tư đều phải có sự đồng ý rõ ràng của đối phương. Im lặng, sợ hãi hoặc không phản kháng không có nghĩa là đồng ý.
4. Giáo viên, nhân viên hoặc người có vị trí quyền lực không được lợi dụng chức vụ, điểm số, việc làm, thực tập hoặc nguồn lực để yêu cầu sinh viên có quan hệ tình cảm hoặc hành vi tình dục không phù hợp.
5. Quấy rối tình dục, làm nhục liên quan đến giới, gửi nội dung khiêu dâm hoặc phát tán hình ảnh riêng tư khi chưa được đồng ý qua mạng xã hội hay ứng dụng nhắn tin cũng có thể được xem là vụ việc giới trong trường học.
6. Khi xảy ra sự việc, cần lưu giữ tin nhắn, hình ảnh, ghi âm, thời gian, địa điểm và thông tin nhân chứng; tuy nhiên không được tiếp tục chuyển tiếp hình ảnh riêng tư.
7. Người bị hại có thể nộp đơn bằng văn bản yêu cầu trường của người thực hiện hành vi tiến hành điều tra. Người biết về sự việc cũng có thể tố giác theo quy định.
8. Nhà trường không được gây bất lợi cho người yêu cầu điều tra, người tố giác hoặc người hỗ trợ người khác tố giác.
9. Nếu đang gặp nguy hiểm, hãy rời khỏi hiện trường và gọi 110. Nếu cần được bảo vệ hoặc tư vấn, hãy gọi 113.

參考：性別平等教育法第31至33條

學生務必記住／Sinh viên cần ghi nhớ

中文	Tiếng Việt
沒有工作許可，不要開始打工。	Không có giấy phép lao động thì không được bắt đầu làm việc.
學期中每週打工不得超過20小時。	Trong học kỳ, không được làm thêm quá 20 giờ mỗi tuần.
不可無照或酒後駕駛。	Không lái xe khi chưa có bằng hoặc sau khi uống rượu bia.
工資、工時及加班紀錄都要保留。	Cần lưu giữ hồ sơ tiền lương, thời giờ làm việc và làm thêm giờ.
休學、退學會影響居留資格。	Bảo lưu hoặc thôi học sẽ ảnh hưởng đến tư cách cư trú.
性騷擾不是玩笑，未經同意就是不當行為。	Quấy rối tình dục không phải là trò đùa; hành vi không có sự đồng ý là hành vi không phù hợp.

中文

Tiếng Việt

有問題立即聯絡學校，不要相信非法仲介。

Khi gặp vấn đề, hãy liên hệ nhà trường ngay và không tin môi giới bất hợp pháp.